

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày 27 – 02 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Thắng.
2. Ông Trần Văn Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Đỗ Văn Đ**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Đỗ Văn D**. Địa chỉ: Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông **Đỗ Văn Đ** trình bày và yêu cầu như sau:

Trước đây, ông **Đỗ Văn Đ** có tham gia dây hụi mùa do ông **Đỗ Văn D** làm chủ hụi, dây hụi có 14 chân, mức là 5.000.000 đồng, ông **Đ** là người hót chót (hót sau cùng). Khi dây hụi mãn, ông **D** không giao tiền hụi cho ông **Đ** với số tiền là 65.000.000 đồng (13 chân x 5.000.000 đồng/chân). Sau đó, hai bên có gặp nhau bàn bạc đi đến thống nhất, ông **Đ** cho ông **D** trả tiền theo phân kỳ hàng tháng là 3.000.000 đồng/tháng cho đến hết năm 2023, kể từ tháng 02/2024 thì trả 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ. Nội dung này hai bên có lập giấy thỏa thuận ngày 11-6-2023. Tuy nhiên, sau khi thỏa thuận ông **D** chỉ trả cho ông **Đ** được

12.000.000 đồng thì không trả nữa, còn nợ lại 53.000.000 đồng. Do đó, ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D trả cho ông Đ số tiền hui còn nợ là 53.000.000 đồng.

Ý kiến của bị đơn ông Đỗ Văn D: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo nội dung yêu cầu khởi kiện và kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự này, nhưng họ không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do các đương sự khác cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền hui được lãnh đồng ý trừ vào công đầu thảo cho chủ hui là 2.500.000 đồng nên chỉ yêu cầu buộc bị đơn ông Đỗ Văn D trả số tiền hui còn nợ lại là 50.500.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đỗ Văn D trả tiền hui cho nguyên đơn 50.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hui chưa giao, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật được xác định về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Đỗ Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền hui được lãnh đồng ý trừ vào công đầu thảo cho chủ hui là 2.500.000 đồng, chỉ yêu cầu buộc bị đơn ông Đỗ Văn D trả số tiền hui còn nợ lại là 50.500.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận và xem xét, giải quyết yêu cầu đã được thay đổi của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn xuất trình tài liệu, chứng cứ là Giấy thỏa thuận tiền hui mùa lúa ngày 11-6-2023 có nội dung: “*Tổng số 14 chung hui 5.000.000 (năm triệu đồng) chủ thiêm Út Đầu giải quyết cho vợ chồng Ba D1 trả hàng tháng 3.000.000 đ/tháng đến tháng 02/2024 trả 5.000.000 đ/tháng*”. Từ khi Tòa án thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm, kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã được Tòa án tổng đạt, thông báo hợp lệ cho bị

đơn nhưng bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, cũng không đưa ra phản đối hay có yêu cầu gì khác đối với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có cơ sở xác định bị đơn ông Đỗ Văn D làm chủ dây hụi mùa 14 chung, ông Đ tham gia 01 chung. Khi mãn hụi, ông D còn nợ 13 chung hụi với số tiền 65.000.000 đồng, thỏa thuận từ tháng 7/2023 trả mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng, từ tháng 02/2024 thì trả 5.000.000 đồng/tháng theo biên nhận ngày 11-6-2023 là sự thật.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đỗ Văn Đ thừa nhận bị đơn đã trả được 12.000.000 đồng, còn nợ lại 53.000.000 đồng, trừ công đầu thảo của chủ hụi 2.500.000 đồng thì còn 50.500.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền 50.500.000 đồng là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 18, khoản 1 Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biêu, phường.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận một phần. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 18, khoản 1 Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Đỗ Văn D trả cho nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ số tiền hụi 50.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Đỗ Văn D phải chịu án phí dân

sự sơ thẩm là 2.525.000 đồng. Nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ không phải chịu án phí, trả lại cho ông Đỗ Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.325.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007210 ngày 14-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm